

Số: 975 /BCB- BV74TW

Vĩnh Phúc, ngày 13 tháng 8 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Cục Quản lý khám chữa bệnh – Bộ Y tế.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện 74 Trung ương.

Số giấy phép hoạt động: Số 218/BYT – GPHĐ. Cơ quan cấp: Bộ Y tế ngày 05/063/2014.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sỹ Vũ Quang Diễn

Điện thoại liên hệ: 0211.350.2031.

Địa chỉ: Đường Triệu Thị Khoan Hòa, Phường Hùng Vương, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 630/12/2023 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền
- Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng đa khoa
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học,
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học,
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành (có danh sách gửi kèm).

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): Hợp đồng số 915/HĐ-BV74TW, ngày 29/7/2024).

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: 200 người.



STT	Đối tượng thực hành	Số lượng có thể tiếp nhận
1	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa	25
2	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa	15
3	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa	05
4	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa	05
5	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền	10
6	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng	100
7	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học	20
8	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học	15
9	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng	05

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 1.080.000 đồng/ tháng.

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm Bản công bố: Danh sách người hướng dẫn thực hành; Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành; Kế hoạch hướng dẫn thực hành.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC

BỘ
BỆNH VIỆN
74
TRUNG ƯƠNG

Vũ Quang Diễn

VIỆN
ƯƠNG

Vĩnh Phúc, ngày 13 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH

Hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên

(Ban hành kèm theo Bản công bố số: 975/BCB - BV74TW, ngày 13/8/2024
của Bệnh viện 74 Trung ương)

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 01/9/2023;

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Giấy phép hoạt động số 218/BYT – GPĐĐ ngày 05/063/2014 của Bộ Y tế cấp đối với Bệnh viện 74 Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-BYT ngày 21/01/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động đối với Bệnh viện 74 Trung ương;

Bệnh viện 74 Trung ương xây dựng kế hoạch “Hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên” cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đào tạo thực hành, cập nhật nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu theo vị trí việc làm, xác nhận thời gian thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho đối tượng xin thực hành;

- Hoàn thiện kỹ năng thực hành, các thủ thuật, kỹ thuật, chăm sóc người bệnh để đủ điều kiện cấp giấy phép hành nghề khám chữa bệnh cho các đối tượng bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên.

2. Yêu cầu

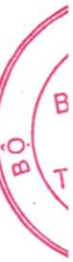
2.1 Đối với người thực hành

- Tuân thủ quy chế chuyên môn, nội quy Bệnh viện và các quy định của Nhà nước;

- Thực hiện các kỹ thuật trực tiếp trên người bệnh như khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh..., thực hiện kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành;

- Tuân thủ theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành, không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật... khi chưa được người hướng dẫn cho phép;

- Được tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp ứng



xử...;

- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh, đảm bảo kết quả thực hành theo yêu cầu.

2.2 Đối với người hướng dẫn thực hành

- Thực hiện đúng quy chế chuyên môn, nội quy của Bệnh viện và các quy định của Nhà nước;

- Có trách nhiệm hướng dẫn người thực hành theo đúng quy định để đạt kết quả theo yêu cầu, đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng thực hành

Bác sỹ y khoa, bác sỹ y học cổ truyền, điều dưỡng, kỹ thuật viên y đã được cấp bằng tốt nghiệp các trường đào tạo khối ngành sức khỏe không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Đối tượng hướng dẫn thực hành

Thực hiện và đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và 6, Điều 7, Mục 1, Chương II của Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

3. Thời gian thực hiện

Các đối tượng đăng ký thực hành khám bệnh, chữa bệnh từ năm 2024 tại Bệnh viện 74 Trung ương sẽ thực hiện theo nội dung được ban hành tại Kế hoạch này.

Trường hợp người tham gia thực hành đã ký hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với Bệnh viện trước 01/01/2024 nhưng chưa hoàn thành việc thực hành được tiếp tục thực hành theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12, Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Kế hoạch thực hành đã ban hành trước đó của Bệnh viện 74 Trung ương

3. Địa điểm thực hành

Căn cứ vào đối tượng đăng ký tham gia thực hành, Bệnh viện sẽ phân bổ về các khoa lâm sàng, cận lâm sàng phù hợp với nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo từng chức danh chuyên môn.

Đối với phạm vi chuyên môn bác sỹ y khoa thì thời gian thực hành chuyên khoa Sản và chuyên khoa lẻ: tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Phúc Yên.

III. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Hướng dẫn các văn bản áp dụng trong khám bệnh, chữa bệnh

1.1. Nội dung

- Quy định pháp luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;



- Kiểm soát nhiễm khuẩn.

1.2. Hình thức

- Lồng ghép trong quá trình thực hành lâm sàng;
- Tham gia hội thảo khoa học, sinh hoạt chuyên môn... tại Bệnh viện.

2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng

2.1. Đối với bác sĩ

2.1.1. Đối với phạm vi chuyên môn bác sĩ y khoa

a) Thời gian thực hành

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng, trong đó: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 09 tháng và Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 03 tháng. Cụ thể:

- Thời gian thực hành chuyên khoa Nội: 02 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên khoa Ngoại 02 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên khoa Nhi: 02 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên khoa Sản: 02 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên khoa lẻ: 01 tháng
- Thời gian thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng.

b) Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa;
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế .

2.1.2. Đối với phạm vi chuyên môn bác sĩ Nội khoa

a) Thời gian thực hành

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng;
- Thời gian thực hành tại khoa Nội tổng hợp: 09 tháng.

b) Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội;
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế .

2.1.3. Đối với phạm vi chuyên môn bác sĩ Ngoại khoa

a) Thời gian thực hành

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng;
- Thời gian thực hành tại khoa Ngoại: 09 tháng.

b) Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại;
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.



2.1.4. Đối với phạm vi chuyên môn bác sĩ Nhi khoa

a) Thời gian thực hành

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng;
- Thời gian thực hành tại khoa Nhi: 09 tháng.

b) Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi;
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

2.1.5. Đối với phạm vi chuyên môn bác sĩ Y học cổ truyền

a) Thời gian thực hành

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng;
- Thời gian thực hành tại khoa Y học cổ truyền: 09 tháng.

b) Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền;
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

2.2. Đối với điều dưỡng, kỹ thuật viên y

2.2.1. Điều dưỡng

a) Thời gian thực hành

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh điều dưỡng là 06 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh được phân bổ về các khoa lâm sàng phù hợp với từng chức danh chuyên môn là 05 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 01 tháng.

b) Nội dung thực hành

Danh mục kỹ thuật trong Mục lục I, II Phụ lục XII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

2.2.2. Kỹ thuật viên xét nghiệm y học

a) Thời gian thực hành

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh kỹ thuật viên xét nghiệm y học là 06 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Xét nghiệm là 05 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 01 tháng.

b) Nội dung thực hành

1
m

Danh mục kỹ thuật trong Mục lục I, II Phụ lục XII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

2.2.3. Kỹ thuật viên hình ảnh y học

a) Thời gian thực hành

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh kỹ thuật viên hình ảnh y học là 06 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Chẩn đoán hình ảnh là 05 tháng;

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 01 tháng.

b) Nội dung thực hành

Danh mục kỹ thuật trong Mục lục I, II Phụ lục XII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

2.2.4. Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng

a) Thời gian thực hành

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh kỹ thuật viên phục hồi chức năng là 06 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Y học cổ truyền là 05 tháng;

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 01 tháng.

b) Nội dung thực hành

Danh mục kỹ thuật trong Mục lục I, II Phụ lục XII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kế hoạch tổng hợp

- Xây dựng Kế hoạch hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng đăng ký thực hành tại Bệnh viện;

- Xây dựng nội dung chương trình thực hành cho bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên;

- Tiếp nhận và quản lý hồ sơ đối tượng thực hành theo quy định, soạn thảo Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh giữa Bệnh viện và người thực hành theo mẫu 04 quy định tại Phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

- Tham mưu để phân công người hướng dẫn thực hành trình Giám đốc bệnh viện ký theo quy định tại mẫu 06 quy định tại Phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ-CP đảm bảo phù hợp về chuyên môn, năng lực;

- Tham mưu cấp giấy xác nhận quá trình thực hành cho người thực hành theo quy định tại mẫu 07 quy định tại Phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ-CP;

- Theo dõi, giám sát, quản lý hoạt động hướng dẫn thực hành tại đơn vị;

- Thực hiện các hoạt động báo cáo về thực hành của đơn vị khi được yêu cầu.



2. Phòng Đào tạo – NCKH&CĐT

- Là đầu mối phối hợp với các khoa, phòng có liên quan tổ chức các lớp tập huấn về quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh.

3. Phòng Tổ chức cán bộ

- Phối hợp với phòng Kế hoạch tổng hợp trong việc ký hợp đồng thực hành (lập danh sách các bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên được ký hợp đồng nhưng chưa có CCHN gửi phòng KHTH).

4. Phòng Điều dưỡng

- Phối hợp với phòng KHTH xây dựng chương trình đào tạo thực hành cho điều dưỡng, kỹ thuật viên;

- Phối hợp tổ chức các chương trình tập huấn liên quan đến chuyên môn điều dưỡng và chăm sóc người bệnh;

- Phối hợp với các khoa, phòng theo dõi, giám sát, quản lý hoạt động thực hành của điều dưỡng, kỹ thuật viên.

5. Các khoa, phòng có liên quan

- Phối hợp thực hiện sự phân công về hướng dẫn thực hành của Giám đốc Bệnh viện (theo quy định Khoản 2 Điều 7 Nghị định 96/2023/NĐ-CP);

- Tiếp nhận, quản lý, hướng dẫn thực hành cho người đối tượng thực hành theo quy định;

- Nhận xét kết quả thực hành và chịu trách nhiệm về nội dung đã nhận xét.

6. Người hướng dẫn thực hành

- Thực hiện hướng dẫn thực hành theo quyết định đã được phân công.

- Sau khi người thực hành kết thúc thời gian thực hành, người hướng dẫn thực hành đánh giá, nhận xét quá trình thực hành theo từng nội dung quy định.

- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

7. Người thực hành

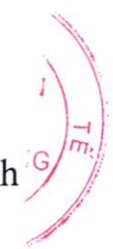
- Tuân thủ nội quy, quy chế của cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Tuân thủ quy định, quy chế chuyên môn của cơ sở thực hành và tuân theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.

- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.

- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Nộp đầy đủ chi phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thỏa thuận trong hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với cơ sở hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị, không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.



DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố số: 975 /BCB - BV74TW, ngày 13 /8/2024).

STT	Họ và tên	Trình độ CM	Chức vụ	Khoa, Phòng	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
1	Vũ Quang Diễn	TS, BS	Giám đốc	Ban Giám đốc	0016461/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Lao và bệnh phổi, nội khoa	
2	Nguyễn Kiên Doanh	TS, BS	Phó giám đốc	Ban Giám đốc	0016462/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
3	Trần Thành Trung	TS, BS	Phó giám đốc	Ban Giám đốc	005948/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Gây mê hồi sức	
4	Nguyễn Thị Thanh Liễu	BSCK II	Phó giám đốc	Ban Giám đốc	0016411/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Hồi sức cấp cứu	
5	Đỗ Xuân Hòa	BSCK II	Trưởng phòng	Kế hoạch tổng hợp	002300/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
6	Phạm Mạnh Đông	Ths, Bs	Phó trưởng phòng	Kế hoạch tổng hợp	0014996/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, ung bướu	
7	Phạm Thế Anh	Ths, Bs	Trưởng phòng	Tổ chức cán bộ	0016440/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
8	Nguyễn Văn Thắng	CKI ĐD	Trưởng phòng	Phòng Điều dưỡng	0014926/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005.	
9	Đặng Thị Thanh Hoa	CKI ĐD	Điều dưỡng	Phòng Điều dưỡng	0016424/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
10	Hoàng Phương Vân	ĐD ĐH	Phó trưởng phòng	Phòng Điều dưỡng	0016429/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005.	
11	Đinh Văn Thịnh	BSCK II	Trưởng khoa	Bệnh phổi không lao	0014986/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
12	Nguyễn Thị Hòa	Ths, Bs	Phó trưởng khoa	Bệnh phổi không lao	006359/HNO-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	
13	Nguyễn Thùy Linh	ĐD ĐH	Điều dưỡng trưởng	Bệnh phổi không lao	030250/BYT-CCHN	Thực hiện theo TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
14	Nguyễn Thị Hương Nhị	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Bệnh phổi không lao	0014931/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
15	Phạm Thị Thùy Dương	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Bệnh phổi không lao	0014965/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	



16	Nguyễn Minh Hải	BCKI	Trưởng khoa	Chẩn đoán hình ảnh	002234/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	
17	Vũ Duy Thường	KTV ĐH	KTV trưởng	Chẩn đoán hình ảnh	0016458/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	
18	Vũ Văn Dương	KTV ĐH	KTV	Chẩn đoán hình ảnh	040689/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	
19	Nguyễn Ngọc Vinh	Ths, Bs	Trưởng khoa	Điều trị tích cực	0016399/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Gây mê hồi sức	
20	Lưu Thị Liên	Ths, Bs	Phó trưởng khoa	Điều trị tích cực	0010098/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
21	Nguyễn Thị Huyền	ĐD ĐH	Điều dưỡng trưởng	Điều trị tích cực	0014961/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
22	Hà Thị Phượng	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Điều trị tích cực	028672/BYT-CCHN	Thực hiện theo TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
23	Đặng Thị Thùy	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Điều trị tích cực	028673/BYT-CCHN	Thực hiện theo TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
24	Bùi Thị Thuyết	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Điều trị tích cực	0014967/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
25	Hoàng Thị Thúy Loan	Ths, Bs	Bác sỹ	Hồi sức cấp cứu	0016448/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Giải phẫu bệnh	
26	Nguyễn Văn Tinh	TS, BS	Trưởng khoa	Hồi sức cấp cứu	005043/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Lao và bệnh phổi, Nội khoa	
27	Hoàng Thị Hương	ĐD ĐH	Điều dưỡng trưởng	Hồi sức cấp cứu	0016474/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
28	Nguyễn Đức Hải	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Hồi sức cấp cứu	002307/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
29	Phạm Minh Đông	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Hồi sức cấp cứu	002308/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
30	Nguyễn Thị Thanh Hoa	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Hồi sức cấp cứu	0016410/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
31	Hà Văn Sen	BCK II	Trưởng khoa	Khoa KB Đa khoa	002062/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Lao, Nội khoa	

32	Phạm Thị Ánh Tuyết	BSCK II	Phó trưởng khoa	Khoa KB Đa khoa	0014935/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Tai mũi họng	
33	Bùi Thị Mai Hương	CKI ĐD	Điều dưỡng trưởng	Khoa KB Đa khoa	0014964/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
34	Nguyễn Thị Thanh	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Khoa KB Đa khoa	031509/BYT-CCHN	Thực hiện theo TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
35	Lỗ Thị Ngân	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Khoa KB Đa khoa	0016408/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
36	Phạm Gia Nhất	BSCK II	Trưởng khoa	Lao lực lượng vũ trang	0014954/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
37	Phùng Văn Nam	BSCK II	Phó trưởng khoa	Lao lực lượng vũ trang	0014936/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Siêu âm tổng quát, Siêu âm tim mạch	
38	Phạm Thị Hồng Tươi	BSCKI	Bác sỹ	Lao lực lượng vũ trang	038322/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội khoa	
39	Trần Thị Lan Anh	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Lao lực lượng vũ trang	0016403/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
40	Đặng Thị Thùy Linh	ĐD ĐH	Điều dưỡng trưởng	Lao lực lượng vũ trang	006307/VP-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
41	Vũ Xuân Thiện	BSCK II	Trưởng khoa	Lao ngoài phổi	0016394/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Lao, Nội khoa, Chẩn đoán hình ảnh	
42	Cao Đình Thắng	Ths, Bs	Phó trưởng khoa	Lao ngoài phổi	002306/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
43	Vũ Thị Hiền	CKI ĐD	Điều dưỡng trưởng	Lao ngoài phổi	0014939/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
44	Bùi Thị Quyên	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Lao ngoài phổi	0018772/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
45	Nguyễn Thị Minh Nghĩa	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Lao ngoài phổi	0016422/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
46	Trần Hữu Thắng	Ths, Bs	Trưởng khoa	Lao phổi mới	0016435/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
47	Đoàn Thị Thanh Nữ	BSCK II	Phó trưởng khoa	Lao phổi mới	0014958/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	

ĐƠN
JNG

48	Đinh Thị Thu Trang	Ths, Bs	Phó trưởng khoa	Y học cổ truyền	014163/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Vi sinh
49	Hà Thị Hải Yến	BSCKI	Nhân viên	Y học cổ truyền	014287/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng
50	Nguyễn Anh Tiến	BSCKI	Nhân viên	Y học cổ truyền	048273/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng
51	Lê Huyền Trang	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Lao phổi mới	030391/BYT-CCHN	Thực hiện theo TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
52	Bùi Thị Phương	CKI ĐD	Điều dưỡng trưởng	Lao phổi mới	004436/VP-CCHN	Thực hiện theo TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
53	Bùi Thị Phương Hồng	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Lao phổi mới	0016441/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
54	Trần Văn Thuận	BSCK II	Trưởng khoa	Lao phổi tái phát	0014938/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp
55	Nguyễn Hoàng Kim	BSCK II	Phó trưởng khoa	Lao phổi tái phát	0016469/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Lao, Nội khoa
56	Lê Thị Huyền	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Lao phổi tái phát	031423/BYT-CCHN	Thực hiện theo TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
57	Nguyễn Văn Thanh	ĐD ĐH	Điều dưỡng trưởng	Lao phổi tái phát	0014943/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
58	Tô Thành Kiên	BSCK I	Trưởng khoa	Ngoại	000811/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, chuyên ngành răng miệng
59	Nguyễn Minh Hưng	Ths, Bs	Phó trưởng khoa	Ngoại	002304/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
60	Tạ Quang Hiện	BSCK I	Bác sỹ	Ngoại	006368/HNO-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, siêu âm ổ bụng
61	Nguyễn Xuân Thông	BSCK I	Bác sỹ	Ngoại	016425/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
62	Hà Phương Loan	ĐD ĐH	Điều dưỡng trưởng	Ngoại	0014995/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
63	Nguyễn Thị Huyền	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Ngoại	0014993/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005

64	Nguyễn Chí Dũng	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Ngoại	0025551/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
65	Nguyễn Ngọc Trung	BSCKI	Quyền trưởng khoa	Nhi	002033/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi, Hồi sức cấp cứu
66	Vũ Thị Bích Ngọc	Ths, Bs	Bác sỹ	Nhi	0014989/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nhi khoa
67	Lưu Thị Thảo	Ths, Bs	Bác sỹ	Nhi	032340/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi, Nội khoa không làm thủ thuật chuyên khoa
68	Lê Thị Thúy	ĐD ĐH	Điều dưỡng trưởng	Nhi	000216/LCH-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo qui định tại QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
69	Nguyễn Thị Linh	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Nhi	0014966/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005.
70	Nguyễn Thị Thảo	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Nhi	004448/VP-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
71	Vũ Mạnh Trường	BSCK II	Trưởng khoa	Nội tổng hợp	0014977/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; nhi khoa
72	Nguyễn Thị Việt Chinh	Ths, Bs	Phó trưởng khoa	Nội tổng hợp	032543/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa; Nhi khoa
73	Nguyễn Thị Thúy	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Nội tổng hợp	0015423/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
74	Nguyễn Thị Linh	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Nội tổng hợp	00073330/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
75	Trịnh Văn Trường	ĐD ĐH	Điều dưỡng trưởng	Nội tổng hợp	0016443/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
76	Ngô Văn Dũng	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Nội tổng hợp	0014994/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
77	Nguyễn Việt Hà	TS, BS	Trưởng khoa	Ung bướu	0016468/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu
78	Nguyễn Thị Nga	Ths, Bs	Bác sỹ	Ung bướu	032129/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội khoa (không làm thủ thuật chuyên khoa), Nội tiết, Ung bướu



79	Lã Duy Tuyền	Ths, Bs	Phó trưởng khoa	Ung bướu	0014945/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, ung bướu	
80	Ngô Thị Thu Thủy	CKI ĐD	Điều dưỡng trưởng	Ung bướu	0016471/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
81	Nguyễn Thị Kim Quyên	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Ung bướu	037197/BYT-CCHN	Thực hiện theo TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	
82	Lưu Thị Lệ Thu	ĐD ĐH	Điều dưỡng	Ung bướu	0016436/BYT-CCHN	Thực hiện theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
83	Tạ Hồng Hạnh	BCKI	Bác sỹ	Xét nghiệm	0014980/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; Giải phẫu bệnh và Tế bào học	
84	Cao Thanh Thủy	BCKI	Trưởng khoa	Xét nghiệm	002305/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	
85	Nguyễn Bá Vương	CKI KTV	Phó trưởng khoa	Xét nghiệm	0014981/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	
86	Hà Thị Định	KTV ĐH	KTV	Xét nghiệm	030392/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	
87	Lưu Văn Đoàn	KTV ĐH	KTV	Xét nghiệm	0016475/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	
88	Lê Thị Minh Hải	Ths KTV	KTV	Xét nghiệm	0016452/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	
89	Lã Mạnh Hùng	KTV ĐH	KTV trưởng	Xét nghiệm	001957/BYT-CCHN	Kỹ thuật viên Xét nghiệm	
90	Hà Thị Hải Yến	BCK I	Bác sỹ	Y học cổ truyền	014287/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng	
91	Đinh Thị Thu Trang	Ths, Bs	Phó trưởng khoa	Y học cổ truyền	014163/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền, Phục hồi chức năng, Vi sinh	
92	Vũ Thị Lụa	ĐD ĐH	Điều dưỡng trưởng	Y học cổ truyền	030962/BYT-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y; Phục hồi chức năng hô hấp	
93	Đỗ Thị Lơ	KTV CĐ	KTV	Y học cổ truyền	0016447/BYT-CCHN	Chuyên khoa Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng	
94	Đoàn Thị Tuyết Nhung	KTV CĐ	KTV	Y học cổ truyền	0016446/BYT-CCHN	Chuyên khoa Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng	

Số: 915 /HD-BV74TW

Vĩnh Phúc, ngày 29 tháng 7 năm 2024

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;
Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Hôm nay, ngày 29/7/2024, tại Bệnh viện 74 Trung ương, chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN 74 TRUNG ƯƠNG

- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Phường Hùng Vương – Thành Phố Phúc Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc
- Điện thoại: 0211.3502.027
- Số tài khoản: 3714.0.057147.00000 tại kho bạc nhà nước Phúc Yên.

BÊN B: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC PHÚC YÊN

- Đại diện: Ông Hoàng Văn Chiến
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Điện thoại: 0211.3869.223
- Số tài khoản: 3713.0.1044417.94001 tại kho bạc nhà nước Phúc Yên.

Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận ký kết Hợp đồng đào tạo thực hành với những điều khoản cơ bản sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

1. Đối tượng thực hành: Bác sĩ y khoa.
2. Số lượng người thực hành: Tùy theo tình hình thực tế, số lượng người thực hành sẽ được hai bên thỏa thuận thống nhất ở Hợp đồng chi tiết phù hợp với quy định.



3. Người hướng dẫn thực hành của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Phúc Yên: Có trình độ chuyên môn phù hợp theo NĐ 96/2023/NĐ-CP.

4. Nội dung chuyên môn thực hành: chuyên khoa Sản và các chuyên khoa lẻ (mắt, tai mũi họng, da liễu, nội tiết...) được thống nhất trong Hợp đồng chi tiết theo quy định hiện hành.

5. Thời gian thực hành: Được thống nhất trong Hợp đồng chi tiết theo quy định hiện hành.

6. Địa điểm thực hành: Tại Bệnh viện Đa khoa Khu vực Phúc Yên (Phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc).

7. Chi phí thực hành: Được hai bên thống nhất trong Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành của từng khóa.

8. Thời hạn của Hợp đồng: 05 năm kể từ ngày ký.

9. Hàng năm hai bên sẽ thảo luận và thống nhất chương trình đào tạo thực hành vào đầu khóa học trước khi ký hợp đồng chi tiết (tùy theo kế hoạch).

10. Chương trình thực hành đã được phê duyệt: Kèm theo Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành theo từng khóa học.

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

- Thời hạn thanh toán: tùy theo thỏa thuận của hai bên, được thống nhất trong Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành theo từng khóa học.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ bên A

1. Quyền Bên A

- Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

- Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.

- Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

- Các quyền khác (nếu có).

2. Nghĩa vụ Bên A

- Cung cấp cho Bên B thông tin người thực hành, kế hoạch đào tạo thực hành của khóa học.

- Thanh toán chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên B, quản lý, hướng dẫn học viên.

- Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với học viên của Bên A tại cơ sở thực hành.



- Thực hiện các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ bên B

1. Quyền Bên B

- Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành phù hợp với chuyên môn.
- Chấm dứt hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên A vi phạm các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
- Thu chi phí hướng dẫn thực hành theo thỏa thuận với Bên A.
- Các quyền khác (nếu có).

2. Nghĩa vụ Bên B

- Đảm bảo các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- Đảm bảo giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thông nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.
- Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định (nếu có).
- Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành theo quy định.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.

3. Hợp đồng này làm thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Vũ Quang Diễn

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Chiến

TR
G